

Bản án số: 67/2017/HNGĐ-ST

Ngày: 19/12/2017

V/v “*Tranh chấp hôn nhân và gia đình*”

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN MỸ XUYỀN, TỈNH SÓC TRĂNG

Với thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên toà: Ông **Phạm Thanh Tùng**.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông **Lương Minh Suốt**.

2. Ông **Bùi Anh Đức**.

Thư ký Tòa án ghi biên bản phiên toà: Ông **Tô Văn Đăng** – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Mỹ Xuyên, tỉnh Sóc Trăng.

Hôm nay, ngày 19 tháng 12 năm 2017, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Mỹ Xuyên, tỉnh Sóc Trăng xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số **2432017/TLST-HNGĐ** ngày 02 tháng 10 năm 2017 về việc “*Tranh chấp hôn nhân và gia đình*” theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số **66/2017/QĐST - HNGĐ** ngày 10 tháng 11 năm 2017 và Quyết định hoãn phiên tòa số 58 ngày 01/12/2017 giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Ông **Trần Văn T**, sinh năm 1970. (có mặt)

Địa chỉ: Số 154 ấp B, xã G, huyện M, tỉnh S.

- Bị đơn: Bà **Ngô Thị D**, sinh năm 1984. (vắng mặt)

- Con chung trên 07 tuổi: Cháu **Trần Tố T**, sinh ngày 08/4/2003. (vắng mặt)

Địa chỉ: Số 154 ấp B, xã G, huyện M, tỉnh S.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

- Theo đơn khởi kiện về việc xin ly hôn đề ngày 24 tháng 8 năm 2017, chứng cứ có trong hồ sơ và tại phiên tòa hôm nay, nguyên đơn là ông **Trần Văn T** trình bày:

Ông **Trần Văn T** và bà **Ngô Thị D** kết hôn vào năm 2002 không có đăng ký kết hôn. Sau khi sống chung vợ chồng sống hạnh phúc được 07 năm đến năm 2009 thì phát sinh mâu thuẫn nên bà **D** bỏ nhà không biết đi đâu và không có tin tức nên vợ chồng không còn sống chung từ năm 2009 cho đến nay. Trong thời gian chung sống vợ chồng có 01 con chung tên **Trần Tố T**, sinh ngày 08/4/2003 hiện đang sống với bà **Ngô Thị D**. Nay ông **Trần Văn T** yêu cầu Tòa án giải quyết được ly hôn với bà **Ngô Thị D**.

- Về con chung: Ông **Trần Văn T** đồng ý để con chung tên **Trần Tố T**, sinh ngày 08/4/2003 cho bà **Ngô Thị D** tiếp tục nuôi dưỡng đến tuổi trưởng thành. Ông yêu cầu ông không phải cấp dưỡng nuôi con .

- Về tài sản chung: Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Về nợ chung: Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- *Đối với bị đơn bà Ngô Thị D:* Sau khi thụ lý Tòa án đã niêm yết hợp lệ thông báo thụ lý vụ án, thông báo về phiên hòa giải, giấy triệu tập tham gia các buổi hòa giải cho bị đơn nhưng bà D không có ý kiến gửi cho Tòa án và cũng vắng mặt tại các buổi hòa giải nên không ghi nhận được ý kiến của bị đơn.

- *Đối với con chung trên 07 tuổi cháu Trần Tổ T:* Sau khi thụ lý Tòa án đã niêm yết hợp lệ thông báo thụ lý vụ án, thông báo về phiên hòa giải, giấy triệu tập tham gia các buổi hòa giải cho con chung là Trần Tổ T nhưng cháu không có ý kiến gửi cho Tòa án và cũng vắng mặt tại các buổi hòa giải nên không ghi nhận ý kiến được .

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên toà. Căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên toà, ý kiến trình bày của đương sự, Hội đồng xét xử nhận định:

Về tố tụng: Bị đơn bà Ngô Thị D đã được niêm yết Quyết định đưa vụ án ra xét xử hợp lệ đến lần thứ hai theo quy định pháp luật, nhưng tại phiên tòa ngày hôm nay bà D vẫn vắng mặt. Căn cứ vào điểm b khoản 2 Điều 227; khoản 3 Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử thống nhất tiến hành xét xử vắng mặt bị đơn bà Ngô Thị D.

Về nội dung: Ông Trần Văn T và bà Ngô Thị D cưới nhau vào năm 2002 nhưng không có đăng ký kết hôn. Xét thấy, quan hệ hôn nhân giữa ông T và bà D là hôn nhân không hợp pháp nên khi có yêu cầu ly hôn thì chỉ được xem xét giải quyết không công nhận là vợ chồng. Sau khi cưới nhau thì ông và bà sống hạnh phúc được 07 năm đến năm 2009 thì phát sinh mâu thuẫn với nhau trong cuộc sống, nên bà D và cháu Trần Tổ T bỏ nhà không biết đi đâu và không có tin tức cho đến nay, mặc dù ông T đã yêu cầu Tòa án thông báo tìm kiếm bà D nhưng không có kết quả và ông T đã yêu cầu Tòa án nhân dân huyện Mỹ Xuyên tuyên bố bà Ngô Thị D mất tích theo bản án số 02/QDDSS-ST ngày 03/7/2017. Từ năm 2009 đến nay, vợ chồng không còn sống chung, ông và bà cũng không gặp nhau, bà Diễm cũng không liên lạc với ông để hàn gắn tình cảm vợ chồng lại với nhau. Tại phiên Tòa hôm nay, nguyên đơn ông Trần Văn T giữ nguyên yêu cầu được ly hôn với bị đơn bà Ngô Thị D vì ông T không còn tình cảm với bà D. Hội đồng xét xử nhận thấy việc sống chung của hai bên như vợ chồng nhưng không có đăng ký kết hôn, nên hôn nhân giữa ông Thành và bà D là chưa hợp pháp và không làm phát sinh nghĩa vụ giữa vợ và chồng. Vì vậy, nếu ông T có yêu cầu ly hôn với bà Ngô Thị D thì chỉ được xem xét giải quyết không công nhận vợ chồng, nên Hội đồng xét xử căn cứ khoản 1 Điều 14 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014 tuyên bố quan hệ sống chung giữa ông Trần Văn T với bà Ngô Thị D không phải là vợ chồng.

Về con chung: Trong thời gian chung sống vợ chồng có 01 con chung tên Trần Tổ T, sinh này 08/4/2003 hiện nay đang sống chung với bà Ngô Thị D. Nhưng tại phiên tòa hôm nay cháu Trần Tổ T vắng mặt nên tòa án không ghi nhận được nguyện vọng của cháu. Ông Trần Văn T cũng đồng ý để con chung tên Trần Tổ T, sinh ngày 08/4/2003 cho bà Ngô Thị D tiếp tục nuôi dưỡng đến tuổi trưởng thành. Xét thấy, khi bà ông T và bà D không còn chung sống với nhau cháu Trần Tổ T vẫn do bà D trực tiếp nuôi dưỡng, vẫn đảm bảo cuộc sống bình thường và để đảm bảo cuộc sống của cháu Trần Tổ T không bị xáo trộn. Nên Hội đồng xét xử thống nhất áp dụng khoản 1, 3 Điều 81; khoản 1, 3 Điều 82, Điều 83 của luật hôn

nhân và gia đình năm 2014 giao con chung tên Trần Tố T cho bà D trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng đến trưởng thành. Ông Trần Văn T được quyền thăm nom con chung không ai được quyền ngăn cản.

Về cấp dưỡng nuôi con: Tại phiên tòa hôm nay vắng mặt bà Ngô Thị D nên Hội đồng xét xử không ghi nhận yêu cầu bà D về cấp dưỡng nuôi con nên không đặt ra xem xét.

Về tài sản chung, nợ chung: Không yêu cầu giải quyết, nên không đặt ra xem xét.

Về án phí sơ thẩm: Ông Trần Văn T phải chịu án phí sơ thẩm theo quy định tại khoản 4 Điều 147 của Bộ luật tố tụng dân sự và Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Áp dụng khoản 1 Điều 28; khoản 4 Điều 147; điểm b khoản 2 Điều 227; khoản 3 Điều 228; Điều 271 và Điều 273; Điều 278 và khoản 1 Điều 280 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Áp dụng khoản 1 Điều 9; khoản 1 Điều 14; Điều 15; khoản 2 Điều 53; khoản 1, 2 Điều 81; khoản 1, 3 Điều 82, Điều 83 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2014.

Tuyên xử:

- Về quan hệ hôn nhân: Không công nhận quan hệ vợ chồng giữa ông Trần Văn Thành và bà Ngô Thị D.

- Về con chung: Giao cho bà Ngô Thị D được quyền trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng con chung tên Trần Tố T, sinh ngày 08/4/2003 đến tuổi trưởng thành. Ông Trần Văn T được quyền thăm nom con chung, không ai được quyền ngăn cản.

- Về cấp dưỡng nuôi con: Ông Trần Văn T không phải cấp dưỡng nuôi con.

- Về tài sản chung, nợ chung: Không yêu cầu giải quyết, nên không đặt ra xem xét.

- Về án phí sơ thẩm: Ông Trần Văn T phải chịu là 300.000 đồng án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm nhưng được trừ vào tiền tạm ứng án phí ông đã nộp là 300.000 đồng theo biên lai thu số 0008742 ngày 02 tháng 10 năm 2017 của Chi Cục Thi hành án dân sự huyện Mỹ Xuyên, tỉnh Sóc Trăng, ông Trần Văn T đã nộp xong.

Trong thời hạn 15 ngày, kể từ tuyên án các đương sự có quyền kháng cáo yêu cầu Toà án nhân dân tỉnh Sóc Trăng giải quyết lại theo thủ tục phúc thẩm. Đối với bị đơn vắng mặt được quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

Bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, Điều 7, 7a và Điều 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên Toà
đã ký

Nơi nhận:

- VKSND huyện Mỹ Xuyên;
- Chi cục T.H.ADS huyện Mỹ Xuyên;
- Phòng KTNV&THA –TAND tỉnh Sóc Trăng;
- UBND xã Gia Hòa 2;
- Các đương sự;
- Lưu hs vụ án.

Phạm Thanh Tùng

